

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
------

LÊ THỊ HOÀI AN

KHẢO SÁT THƠ CA PHAN BỘI CHÂU
15 NĂM CUỐI ĐỜI QUA BA PHƯƠNG DIỆN:
CHỦ ĐỀ - ĐỀ TÀI, THỂ LOẠI VÀ NGÔN NGỮ

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 60 22 34

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ

Hà Nội – 2011

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn

Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS Trần Ngọc Vương

Phản biện 1: TS. Nguyễn Đức Mậu

Phản biện 2: PGS. TS Vũ Thanh

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại:

Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội vào lúc 15h 30p ngày 27 tháng 12 năm 2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thư viện trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn
- Thư viện khoa Văn học

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Phan Bội Châu là một trong những tác giả cuối cùng đứng ở đỉnh cao của phương thức sáng tạo truyền thống – hệ hình văn học truyền thống. Tuy nhiên, chỉ có số ít người đọc hiện nay có thể cảm được cái hay, cái đẹp trong văn chương truyền thống nói chung, sáng tác của Phan Bội Châu nói riêng. Thị hiếu thẩm mỹ, môi trường văn hóa có sự khác biệt khiến văn thơ Sào Nam có khoảng cách tiếp nhận đối với tầng lớp công chúng văn học hiện nay. Điều này có nguyên nhân một phần là do bạn đọc chưa được trang bị hệ quy chiếu thẩm mỹ đủ để đọc, hiểu và cảm văn chương truyền thống. Nguyên nhân sâu xa hơn nữa xuất phát từ thực tế văn học nước nhà: sự đứt gãy trong quá trình chuyển đổi hệ hình văn học từ truyền thống đến hiện đại.

Vì Phan Bội Châu là một tác giả truyền thống nên nếu đọc văn chương của ông với thị hiếu và nhận thức thẩm mỹ thời hiện đại sẽ không cho được kết luận chính xác. Không thể đưa bảng giá trị cao thấp về lý tưởng thẩm mỹ, trình độ nghệ thuật, sự tiến bộ về mặt nội dung theo cách hiểu hiện nay... để đánh giá những hiện tượng mang tính giao thời như Phan Bội Châu. Cần có cái nhìn mang tính lịch sử xã hội cụ thể để có thể đánh giá hết được sự nghiệp văn học của Phan Bội Châu trong tiến trình văn học Việt Nam. Vì vậy, chúng tôi lựa chọn văn thơ Phan Bội Châu là đối tượng nghiên cứu của luận văn để phần nào xóa nhòa khoảng cách đó, từng bước đưa văn thơ của một tác giả văn học truyền thống đến với công chúng hiện đại rộng rãi hơn chứ không phải bó hẹp trong khuôn khổ những người có chuyên môn hẹp.

Chủ đề đề tài, thể loại và ngôn ngữ là ba trong năm tiêu chí đánh giá mang tính lý thuyết để hình dung và mô tả một nền văn học (hai tiêu chí còn lại là: Hệ thống những tư tưởng mang tính thẩm mỹ và quan niệm văn học chung của cả nền văn học và Hệ thống những hình tượng văn học cơ bản). Sự thay đổi, chuyển tiếp và chuyển hóa ba tiêu chí trên sẽ cho thấy sự chuyển đổi của hệ hình văn học. Đặc biệt, trong những thời kì giao thời, quá độ, sự thay đổi của những tiêu chí trên càng cần được quan tâm đặc biệt, để từ đó chúng ta nhận thấy được sự đổi thay có tầm vóc và ý nghĩa thời đại của nền văn học. Nghiên cứu thơ ca Phan Bội Châu mười lăm năm cuối đời trên ba phương diện trên, chúng ta sẽ nhận thấy được sự nỗ lực, cố gắng nhưng bất thành của nhà thơ gia nhập vào đời sống văn chương lúc bấy giờ. Cũng từ đó, chúng ta có thể thấy kết cục tất yếu của văn học nhà Nho cũng như sự đứt gãy truyền thống văn học khi hình thành hệ hình văn học mới.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

2.1. Thơ ca Phan Bội Châu thời kỳ 1925 – 1940 được tập hợp khá đầy đủ trong sách *Phan Bội Châu toàn tập, tập 8*. Chương Thâu sưu tầm và biên soạn. Nxb Thuận Hoá, Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây. In lần đầu năm 1990, tái bản năm 2001.

2.2. Nghiên cứu về thơ ca Phan Bội Châu nói chung và thời kỳ 1925 – 1940 (thời kỳ Ông già Bến Ngự) được trình bày rải rác trong khá nhiều chuyên luận, giáo trình như:

- *Phan Bội Châu – thân thế và thơ văn 1867 – 1940*. Thế Nguyên (1956)

- *Giảng luận về Phan Bội Châu*. Lam Giang. (1958)

- *Luận đề về Phan Bội Châu*. Kiên Đạt (1959)
- *Sào Nam Phan Bội Châu – con người và thi văn*. Nguyễn Quang Tô (1974)
- *Văn thơ Phan Bội Châu*. Đặng Thai Mai (1958)
- *Văn học Việt Nam giai đoạn giao thời 1900 – 1930*. Trần Đình Hượu, Nguyễn Chí Dũng. (1988)
- *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*. Trần Đình Hượu. (1999)
- *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung*. Trần Ngọc Vương. (1999)
- *Phan Bội Châu về tác gia và tác phẩm*. Chương Thâu, Trần Ngọc Vương giới thiệu và tuyển chọn. (2003)
- *Giáo trình Văn học Việt Nam ba mươi năm đầu thế kỷ XX*. Trần Ngọc Vương chủ biên (2010).

Thơ ca Ông già Bến Ngự trong những công trình trên được nghiên cứu trong trạng thái gộp chung với tổng thể văn chương Phan Bội Châu. Riêng chuyên khảo *Thơ văn Phan Bội Châu thời kì ở Huế* do Trần Anh Vinh và Chương Thâu giới thiệu và tuyển chọn (NXB Thuận Hóa, 1987) với đối tượng là thơ ca Ông già Bến Ngự là cuốn sách đáng quan tâm khi tìm hiểu chủ đề này.

Bên cạnh đó, cũng có một số khóa luận tốt nghiệp có đối tượng chính là thơ ca Phan Bội Châu thời kỳ này như: *Thơ văn Phan Bội Châu 15 năm cuối đời, Ông già Bến Ngự trong mối quan hệ với sự biến đổi của thơ ca Việt Nam giai đoạn cùng thời* (Khóa luận tốt nghiệp ĐH Khoa học xã hội và Nhân văn). Ngoài ra, có khá nhiều bài viết bình giảng về những tác phẩm cụ thể mà Phan Bội Châu viết trong những năm cuối đời như: *Chân dung Cụ Sào Nam qua “Đêm trăng hời bóng”* (Ngô

Thế Oanh), Bình giảng bài *Bài ca chúc tết thanh niên* của Lê Trí Viễn, Nguyễn Đình Chú, *Thử bình bài “Vào thành” của cụ Phan Bội Châu* (Trình Đường)... Xuân Diệu trong *Bút kí thơ xuân* đã bình hai bài thơ xuân: *Bài ca chúc tết thanh niên* và *Vịnh tết* của Ông già Bến Ngự. Vũ Tiến Quỳnh trong cuốn *Nguyễn Thượng Hiền, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng - tuyển chọn và trích dẫn những bài phê bình, bình luận văn học của các nhà văn, nhà nghiên cứu của Việt Nam* cũng bình giảng khá nhiều bài thơ của Phan Bội Châu.

Với những công trình, bài viết kể trên, thơ ca Phan Bội Châu đã được nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Kết luận của các nghiên cứu trên đều có điểm chung ở chỗ: đánh giá cao số lượng thơ ca Ông già Bến Ngự, còn về chất lượng tác phẩm, về tư tưởng nghệ thuật thì có nhiều sự đánh giá cao thấp khác nhau. Một số công trình đã có hướng đi riêng vào những vấn đề như đề tài, chủ đề, hình tượng nhân vật... trong thơ Phan Bội Châu giai đoạn này. Còn những bài bình giảng những tác phẩm cụ thể đã khám phá được những điều hay của thơ Ông già Bến Ngự.

Khá nhiều công trình nghiên cứu ra đời sớm, mà người viết lấy chính trị là thước đo cho thơ ca nghệ thuật nên có nhiều kết luận chưa khách quan. Đa số các bài viết đều mang tính điểm xuyết, chưa hệ thống rõ ràng và đầy đủ những đặc điểm thơ ca Phan Bội Châu, từ đó đưa ra những nhận xét mang tính tổng quát cho toàn bộ sự nghiệp thơ ca của ông những năm cuối đời. Do đó, thơ ca Ông già Bến Ngự vẫn là đối tượng nghiên cứu cần được đi sâu làm rõ và tìm hiểu hơn nữa. Tất cả những bài báo, công trình nghiên cứu trên sẽ là xuất phát điểm cho đề tài nghiên cứu của chúng tôi: khảo sát và hệ thống hóa về ba

phương diện: chủ đề đề tài, thể loại và ngôn ngữ để từ đó nhận ra những đặc điểm của thơ ca Phan Bội Châu thời kỳ này.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng chính của luận văn là nghiên cứu, khảo sát thơ ca Phan Bội Châu dưới ba phương diện: chủ đề, đề tài, thể loại và ngôn ngữ. Đề tài chỉ đặt trọng tâm nghiên cứu thơ ca Phan Bội Châu từ 1925 – 1940, như thế có nghĩa là đối với thơ ca giai đoạn khác của ông không nằm trong đối tượng trực tiếp của luận văn. Chúng chỉ là đối tượng liên hệ, so sánh khi cần thiết.

Về văn bản tác phẩm: luận văn dựa trên kết quả sưu tầm thơ Ông già Bến Ngự trong bộ *Phan Bội Châu toàn tập* (Chương Thâu sưu tầm, biên soạn, tái bản năm 2001). Công việc sưu tầm thêm văn bản cơ bản không thuộc vào phạm vi luận văn này.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích thơ
- Phương pháp thống kê, phân loại
- Phương pháp so sánh
- Phương pháp lịch sử xã hội...

5. Đóng góp của luận văn

Luận văn góp phần xác định một cách khoa học, cụ thể những đặc điểm cơ bản mang dấu ấn cá nhân của thơ Phan Bội Châu thời kỳ 1925 – 1940. Ba phương diện: chủ đề đề tài, thể loại và ngôn ngữ sẽ được chúng tôi tái hiện lại trong mối quan hệ nội tại giữa nội dung và hình thức với mục đích làm rõ tư tưởng nghệ thuật thơ ca Ông già Bến Ngự.

Luận văn góp phần khẳng định vai trò của Phan Bội Châu nói chung và thơ ca của ông thời kỳ ở Huế nói riêng trong

lịch sử văn học dưới cái nhìn khách quan. Bên cạnh việc chỉ ra những điểm lạc hậu thì một phần cái hay, cái đẹp, những giá trị có thật dù không nhiều trong thơ ca Ông già Bến Ngự những năm cuối đời bị vùi lấp do cách đọc, sự gián cách về văn hóa, sự đứt gãy hệ hình văn học sẽ được chúng tôi làm rõ trong luận văn. Đó cũng là nhiệm vụ của việc nghiên cứu văn học trung đại nói chung khi điều chỉnh thị hiếu, nâng cao nhận thức thẩm mỹ của người đọc hiện nay để họ có thể tiếp nhận giá trị di sản truyền thống của dân tộc.

Mặt khác, tính quy luật của vận động văn học, của quá trình chuyển đổi hệ hình văn học từ văn học trung đại sang văn học hiện đại và sự đứt gãy với truyền thống trong quá trình chuyển đổi đó sẽ được người viết làm rõ trong luận văn này.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, Phụ lục, nội dung chính của luận văn gồm có 3 chương như sau:

Chương 1. Tổng quan về thơ ca Phan Bội Châu mười lăm năm cuối đời

1.1. Hoàn cảnh sáng tác

1.1.1. Tình hình chung về chính trị, xã hội và văn hóa Việt Nam nói chung và Huế nói riêng từ 1925 đến 1940

1.1.2.. Hoàn cảnh sống của Ông già Bến Ngự

1.2. Sơ lược về quá trình sáng tác thơ của Phan Bội Châu thời kỳ 1925 - 1940

1.3. Quan niệm sáng tác của Phan Bội Châu thời kỳ 1925 – 1940

Chương 2. Khảo sát thơ ca Phan Bội Châu mười lăm năm cuối đời qua phương diện chủ đề - đề tài

2.1. Quan niệm về chủ đề - đề tài

2.2. Hệ thống chủ đề - đề tài và sự chuyển biến của nó trong thơ Ông già Bến Ngự

2.2.1. Đề tài về cuộc sống người dân nghèo

2.2.2. Đề tài về tình bạn bè, đồng chí

2.2.3. Đề tài thiên nhiên

2.2.4. Đề tài tâm sự riêng tư của nhà thơ

2.3. Tiểu kết

Chương 3. Khảo sát thơ ca Phan Bội Châu mười lăm năm cuối đời qua phương diện thể loại và ngôn ngữ

3.1. Khảo sát thơ ca Phan Bội Châu thời kỳ 1925 – 1940 qua phương diện thể loại

3.1.1. Quan niệm về thể loại, thể thơ

3.1.2. Hệ thống các thể thơ chính trong thơ ca Phan Bội Châu mười lăm năm cuối đời

3.1.2.1. Thể thơ 4 chữ

3.1.2.2. Thể thơ lục bát

3.1.2.3. Thể thơ song thất lục bát

3.1.2.4. Thể tứ tuyệt

3.1.2.5. Thể thất ngôn bát cú

3.1.2.6. Hát nói

3.1.2.7. Phú

3.1.3. Tiểu kết

3.2. Khảo sát thơ ca Phan Bội Châu thời kỳ Ông già Bến Ngự qua phương diện ngôn ngữ

3.2.1. Quan niệm về ngôn ngữ thơ

3.2.2 Ngôn ngữ thơ trong thơ ca Phan Bội Châu thời kỳ Ông già Bến Ngự

3.2.2.1. Ngôn ngữ dân tộc

3.2.2.2. Ngôn ngữ ngoại nhập

3.2.3. Tiểu kết

NỘI DUNG

Chương 1. Tổng quan về thơ ca Phan Bội Châu Châu thời kỳ 1925 - 1940

1.1. Hoàn cảnh sáng tác

1.1.1. Tình hình chung về chính trị, xã hội và văn hóa Việt Nam nói chung và Huế nói riêng từ 1925 đến 1940

Về mặt chính trị: Phan Bội Châu bị bắt về nước đúng vào lúc trong nước cách mạng đã chuyển sang hướng mới. Trước năm 1925, dân tộc đã thức tỉnh bằng tấm gương duy tân của Nhật Bản. Sau 1925, phong trào đấu tranh trong nước lấy cách mạng vô sản của nước Nga làm tấm gương, tìm con đường giải phóng trong cuộc đấu tranh chung của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức.

Về mặt văn hóa: Những năm sau 1925, chính quyền thực dân sớm có ý thức sử dụng văn hoá như một thứ vũ khí được quảng bá cho tư tưởng "Pháp – Việt đề huề", "Pháp - Nam hợp tác". Đối lập với nền văn hoá thực dân, văn hoá nô dịch đó là nền văn hoá mới tiến bộ, cách mạng. Văn học hiện đại hình thành theo quỹ đạo văn học thế giới với ba bộ phận: tự sự, trữ tình và kịch.

Một điều ảnh hưởng khá lớn đến văn chương Phan Bội Châu thời gian này là môi trường sống tại Huế. Giữa những ngày Huế sục sôi, khi phong trào giải phóng dân tộc đã đi theo một phương hướng mới, gắn với cách mạng xã hội chủ nghĩa, do giai cấp vô sản lãnh đạo, Phan Bội Châu càng ngày càng trở nên xa lạ với đời sống cách mạng. Điều này sẽ được phản ánh một cách rõ rệt trong những sáng tác của Phan Bội Châu giai đoạn cuối đời: những ngỡ ngàng, lo lắng, cảm giác lạc lõng, cô độc...

1.1.2. Hoàn cảnh sống của Ông già Bến Ngự

Là người tù bị giam lỏng, ông sống dựa vào sự giúp đỡ của đồng bào và bạn bè, trong hoàn cảnh bị quản thúc. Thời gian đầu, ông vẫn còn có những hoạt động gắn liền với quần chúng cách mạng, nhất là tầng lớp thanh niên học sinh. Nhưng rồi những hoạt động như vậy cũng dần bị hạn chế và chấm dứt dưới sự kiểm soát của thực dân Pháp và tay sai. Trong hoàn cảnh sống bị giám sát nghiêm ngặt, ông dạy vài đứa học trò nhỏ, viết một số thơ phú, truyện ngắn gửi đăng các báo, nhiều nhất là báo *Tiếng Dân*. Ông cũng viết biên khảo: *Khổng học đăng*, *Dịch kinh chú giải*, *Phật học đăng* và chép lịch sử hoạt động của mình thành tập *Phan Bội Châu niên biểu*...

1.2. Sơ lược về quá trình sáng tác thơ ca của Phan Bội Châu mười lăm năm cuối đời

Có thể chia giai đoạn sáng tác này của Phan Bội Châu thành hai thời kỳ nhỏ: thời kỳ 1925 – 1932 và 1932 – 1940. Sau khi bị bắt, Phan Bội Châu vẫn còn ý định và ôm ấp khát vọng hành động cứu nước. Nội dung văn thơ của cụ giai đoạn này vẫn tiếp tục mạch nguồn từ trước đó như thể hiện nỗi khổ của đất nước khi bị thực dân chiếm đóng, trách nhiệm của người quốc dân đối với đất nước, đoàn kết dân tộc, ca ngợi chủ nghĩa xã hội..., đồng thời bộc lộ lòng yêu nước, tinh thần dân tộc của mình. Thời gian này, ông viết nhiều thơ ca, văn vần bằng tiếng Việt như: *Nữ quốc dân tu tri*, *Nam quốc dân tu tri*, *Luân lý vấn đáp*, *Cao đẳng quốc dân*, *Bài hát chữ Cần*, *Bài hát chữ Kiệm*, *Bài hát chữ Nhân ái*, *Thuốc chữa dân nghèo*... Quãng thời gian này, sáng tác thơ văn của Phan Bội Châu vẫn được đông đảo công chúng đón nhận.

Nhưng sau năm 1932, mọi chuyện đã khác. Văn học hiện đại nhanh chóng trưởng thành với Thơ Mới, tiểu thuyết và kịch

nói theo mô hình phương Tây. Những nỗ lực cách tân cuối cùng của giới cựu học mà tiêu biểu là Phan Bội Châu và Tản Đà không thể kéo dài hào quang của văn học truyền thống. Phan Bội Châu những năm này chuyên viết biên khảo về Nho giáo, về Phật giáo. Thơ ca những năm cuối đời này chủ yếu thể hiện con người đạo đức Nho gia cô độc, bi quan, thất vọng và chán nản.

Trong *Phan Bội Châu toàn tập* (Chương Thâu sưu tầm và biên soạn), giai đoạn này chiếm 5 tập trên 10 tập trước tác. Thơ ca các loại giai đoạn này được tập hợp khá đầy đủ trong tập 8. Chỉ tính riêng thơ ca nghệ thuật, thời kì này Phan Bội Châu sáng tác khoảng 700 bài, tính trung bình mỗi năm nhà thơ sáng tác 47 bài.

1.3. Quan niệm văn học của Phan Bội Châu mười lăm năm cuối đời

Phan Bội Châu cũng như các nhà Nho đề cao tinh thần “*văn dĩ tải đạo*”, “*thi dĩ ngôn chí*”. Mười lăm năm cuối đời, việc quay trở lại với quan niệm văn học Nho gia thể hiện càng rõ nét, khi Phan Bội Châu bị cắt đứt hẳn với những hoạt động cách mạng và không theo kịp những vận động của đời sống – những động lực khiến ông đã có những thay đổi trong văn chương trước kia. Phan Bội Châu trở lại sáng tác văn học theo những thể loại, chủ đề, phương thức thể hiện hiện quen thuộc của văn chương Nho giáo, và vì thế ông càng trở nên lạc hậu so với thời đại. Điều này còn thể hiện rõ trong những bài viết, trả lời phỏng vấn như: đăng tin mở thi đàn *Mộng Du thi xã*, trả lời phỏng vấn báo *Đông Tây*, *Trả lời phỏng vấn nhà báo Yên Sơn tại Huế về Truyện Kiều năm 1926*, *Công dụng và giá trị của văn chương...*

Không chỉ quan niệm văn chương phải chuyên chở Đạo mà Nho giáo còn đề cao văn chương chính đạo, khinh thường tính văn nghệ, coi nó là phù phiếm chỉ để mua vui. Hết khả năng hoạt động chính trị, giấc mộng “lập công, lập đức” không thành, ông buộc phải chọn con đường “lập ngôn”. Không phải Phan Bội Châu không muốn sáng tạo, không muốn thay đổi, nhưng ông cũng không quan niệm được văn học nghệ thuật đủ mới và cách tân từ chính bản thân nó. Giai đoạn này, Phan Bội Châu viết rất nhiều thơ, phong phú về số lượng và đa dạng về thể loại như thất ngôn bát cú, tứ tuyệt, ngũ ngôn, bát cú trường thiên, cổ phong, song thất lục bát, ca trù, “thơ bình dân”... Ông viết thơ đề vịnh, cảm hoài, trào phúng, tức sự, ngôn chí, tự trào... Hầu hết thơ ca Phan Bội Châu viết giai đoạn này đều là những bài thơ thất ngôn viết theo lối cũ. Trong điều kiện bị kiểm soát ngặt nghèo nên thơ ông chủ yếu là lối viết bóng gió, ký ngụ với ẩn cảm đặc biệt của người viết.

Quan niệm văn học Nho gia sẽ là điểm cốt yếu chi phối thơ ca Phan Bội Châu giai đoạn này, từ chủ đề đề tài, thể loại và ngôn ngữ.

Chương 2. Khảo sát thơ ca Phan Bội Châu mười lăm năm cuối đời qua phương diện chủ đề - đề tài

2.1. Quan niệm về chủ đề - đề tài

Đề tài và chủ đề là những khái niệm chủ yếu thể hiện phương diện khách quan của nội dung tác phẩm văn học. Thực chất đề tài là một *khái niệm về loại* của hiện tượng đời sống được miêu tả. Với thơ, khi nói về đề tài là nói về vùng cảm hứng của thi nhân. Mỗi nhà thơ có một loại vùng cảm hứng mang tính sở trường trong sáng tạo nghệ thuật và có thể tùy

theo từng thời kỳ sáng tác (điều kiện sống, môi trường sáng tác), nhà thơ có thể chuyển đổi vùng cảm hứng.

2.2. Hệ thống chủ đề - đề tài và sự chuyển biến của nó trong thơ Ông già Bến Ngự

Sau năm 1925, hệ thống đề tài có tính chất sử thi trước năm 1925 chuyển dần sang tính chất đời thường, đời tư, đạo đức thế sự. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng: sau năm 1925, có những đề tài cấm kỵ mà Phan Bội Châu khó có thể thử bút. Lúc này, ông hoạt động trong môi trường văn học hợp pháp, viết văn làm thơ đăng báo là công việc chính để có thu nhập nuôi sống bản thân mình, con em đồng chí, học trò... Phải viết để không bị kiểm duyệt cắt bỏ, để được đăng báo, viết văn để kiếm sống là áp lực mà ông phải vượt qua. Vượt qua áp lực đó, Phan Bội Châu còn cho thấy mưu cầu, nỗ lực đổi mới đề văn chương có tính nghệ thuật, được phổ biến rộng rãi trên báo chí.

Có thể phân chia đề tài thơ ca Phan Bội Châu mười lăm năm cuối đời như sau:

- Đề tài về cuộc sống người dân nghèo
- Đề tài về tình bạn bè, đồng chí
- Đề tài thiên nhiên
- Đề tài tâm sự riêng tư của nhà thơ

2.2.1. Đề tài về cuộc sống người dân nghèo

Thời kì trước năm 1925, Phan Bội Châu viết chủ yếu về những người anh hùng dân tộc, những người anh hùng giữa đời thường thì đến lúc ở Huế, nhân vật trữ tình xuất hiện nhiều trong thơ ông là người dân nghèo, người lao động nhỏ bé trong xã hội loạn lạc: *Phu quét đường*, *Phu xe than trời mưa*, *Thằng bé mua rau*, *Cô gái mở cối đi tu*, *Cụ kéo xe*... Đề tài này chiếm

60/682 bài thơ quốc ngữ mà Ông già Bến Ngự sáng tác những năm cuối đời.

Thơ ca về người dân nghèo là sự tiếp nối thơ ca của các nhà Nho chí sĩ đầu thế kỉ XX cũng như sự nối dài trong chính sáng tác của Phan Bội Châu. Việc tìm đến loại đề tài viết về cuộc sống người dân nghèo chính là một biểu hiện tự đổi mới, một biểu hiện tiếp tục thoát ly loại thơ ca quan phương, bác học vốn đã tồn tại lâu dài. Ở phương diện này, nội dung thơ Phan Bội Châu tỏ ra nhập cuộc với nền thơ hiện thực của thời đại, đặc biệt là dòng thơ ca cách mạng.

2.2.2. Đề tài về tình bạn bè, đồng chí

Phan Bội Châu viết khoảng 100 bài thơ, phản ánh những tình cảm của Phan Bội Châu với láng giềng, hàng xóm, bạn bè, đồng chí... Phan Bội Châu viết khá nhiều thơ tạ ơn những người bạn mỗi khi nhận được những món quà nhỏ của hàng xóm, láng giềng. Phan Bội Châu sáng tác 12 tác phẩm với tên bài thơ có từ “Tạ ơn”: Trong những năm ở Huế, cũng có lúc Phan Bội Châu tìm thấy niềm vui tuổi già bên những người bạn. Đó có thể là khi *Cùng bạn uống rượu chơi thuyền* hay khi *Mừng bạn gái đẻ con trai, Mừng bạn gái đẻ con gái, Ngồi buồn nhớ bạn...* Ông cũng viết khá nhiều thơ tặng cho các văn sĩ, thơ chúc mừng báo chí nhằm cổ vũ tinh thần đấu tranh dân tộc: *Tặng Phong Tùng nữ sĩ, Mừng tuần báo Phụ nữ tân văn, Mừng sinh nhật báo Tiếng Dân bát chu niên I, II...*

Bên cạnh những bài thơ về tình bạn thì Phan Bội Châu tiếp tục có khá nhiều tác phẩm viết về tình đồng chí. Trong thơ văn liên quan đề tài này, ngoài những lời ngợi ca những người đồng chí anh hùng, còn tràn ngập một cảm giác chua xót, chua

xót vì bất lực, vì nhìn thấy tiền đồ dân tộc đen tối, có cả một cuộc tự vấn về ý nghĩa cuối cùng của cuộc đời mình.

2.2.3. Đề tài thiên nhiên

Mảng đề tài này cho thấy bước tiến so với giai đoạn sáng tác trước 1925, tạo nên sự phong phú, đa dạng, đậm đà tính dân tộc trong thơ Phan Bội Châu. Thế nhưng, ông không say mê thiên nhiên, tìm đến thiên nhiên như một người bạn tri kỷ giống những người ẩn sĩ lánh đời. Nét nổi bật trong cách viết của Phan Bội Châu thời kỳ này là nói bóng gió, khai thác gửi gắm tâm sự trong loại thơ vịnh cảnh, vịnh vật trước đây để nói nội dung yêu nước. Vì vậy, hình ảnh thiên nhiên đa phần thiếu sức sống, sinh động và sức hấp dẫn đời thường. Những bài thơ tiêu biểu với đề tài này là: *Đi thuyền trên sông Hương, Lại xuống đò chào mụ sông Hương, Sông Hương tức cảnh...*

2.2.4. Đề tài tâm sự riêng tư của nhà thơ

Đề tài này chiếm vị trí quan trọng nhất trong thơ Ông già Bến Ngự, chiếm gần 340 bài thơ trên tổng số gần 700 bài thơ ông viết thời kì này. Nét nổi bật trong cảm hứng chủ đạo của thơ Ông già Bến Ngự là cảm hứng bi kịch. Đó là cảm hứng mang tính bi kịch cao cả của một người chí sĩ yêu nước, thiết tha cứu nước nhưng không thành nên thất vọng và đau xót, luôn khao khát với chí lớn nhưng thực tế lại phũ phàng, cay đắng. Mặc cảm về sự bất lực, ý niệm thời gian “thong thả” và cảm giác sống thừa là những tâm sự đầy day dứt trong thơ Ông già Bến Ngự. Sự rối rắm, sự bất lực làm ông ghê tởm cả bản thân, thấy mình chỉ là một "bộ xương tàn", một cái "xác thừa", sống không có ý nghĩa gì. Như một lẽ tất yếu, Phan Bội Châu tìm đến thơ và rượu để giải sầu. Những bài thơ tiêu biểu với đề tài này là: *Trong lúc đau hát chơi, Sau lúc đau ngớt hát chơi, Lại đêm không ngủ, Uống rượu dưới trăng...*

2.3. Tiểu kết

Đề tài trong thơ ca Phan Bội Châu thời kỳ Ông già Bến Ngự rất phong phú, vừa mang tính truyền thống, vừa có tính thời đại. Một mặt, những đề tài vịnh vật, vịnh cảnh là sự lặp lại chủ đề, đề tài của văn thơ truyền thống. Một mặt Phan Bội Châu cũng đã có những cố gắng để viết “Lối thi từ mới”, gần gũi với xu hướng hiện đại hóa văn học lúc bấy giờ. Những bài thơ bình dân viết về người dân nghèo là một nỗ lực như vậy. Ông đã cố gắng nhìn nhận đối tượng từ góc độ xã hội, do đó, thơ bình dân Phan Bội Châu có sự gần gũi với thơ ca cách mạng (thơ ca Xô viết Nghệ Tĩnh, bộ phận thơ ca trong tù...). Điều đáng nói là những đề tài trên, dù mới hay cũ, xét trên tổng thể, vẫn là sự nối dài của văn học nhà Nho, được thể hiện bằng hình thức cũ nên khó tiếp cận được tầng lớp độc giả với thị hiếu thẩm mỹ đang thay đổi nhanh chóng.

Chương 3. Khảo sát thơ ca Phan Bội Châu mười lăm năm cuối đời qua phương diện thể loại và ngôn ngữ

3.1. Khảo sát thơ ca Phan Bội Châu thời kỳ Ông già Bến Ngự qua phương diện thể loại

3.1.1. Quan niệm về thể loại

Khái niệm thể loại ở đây được chúng tôi dùng với nghĩa là hình thức thơ, về cơ bản không xem xét về mặt nội dung thơ. Do đó, trong luận văn này, chúng tôi sẽ tập trung khảo sát hình thức thơ ca Phan Bội Châu 15 năm cuối đời ở phương diện thể thơ. Thể thơ, câu thơ, các dạng thức của khổ thơ, bài thơ là hình thức tồn tại của cái tôi trữ tình. Tùy theo quan niệm thẩm mỹ của thời đại mà hình thức thể thơ, câu thơ biến đổi. Với những nhà thơ tài năng, họ có thể có những sáng tạo dựa trên những thể thơ có sẵn. Trong thơ cổ, cảm xúc được

gọi lên bằng thuộc tính khách thể nên thể thơ định sẵn, có niêm luật chặt chẽ.

Trong luận văn này, chúng tôi khảo sát những thể thơ chính của thơ ca Phan Bội Châu, gồm:

- Thể thơ bốn chữ
- Thể thơ lục bát
- Thể thơ song thất lục bát
- Thể thơ tứ tuyệt
- Thể thơ thất ngôn bát cú
- Ca trù
- Phú

3.1.2. Hệ thống các thể thơ chính trong thơ ca Phan Bội Châu thời kỳ Ông già Bến Ngự

3.1.2.1. Thể thơ bốn chữ

Thể thơ bốn chữ có đặc điểm là mỗi câu có bốn chữ và không giới hạn số câu, khá phổ biến trong tục ngữ, dân ca. Trong mười lăm năm cuối đời, Phan Bội Châu sáng tác 11 bài thơ với thể thơ này: *Biện nạn với chim cu cườm*, *Trong giấc chiêm bao nói chuyện với thần xu*, một loạt bài thơ tặng các báo năm 1932...

3.1.2.2. Thể thơ lục bát

Thể thơ lục bát là tổ hợp giữa câu sáu và câu tám gộp thành một cặp là đơn vị cơ bản. Bài thơ lục bát không giới hạn về số câu. Trước năm 1925, để tuyên truyền tư tưởng cách mạng, kêu gọi đoàn thể, Phan Bội Châu cũng sáng tác một số bài thơ lục bát với lời ca giản dị, dễ đọc, dễ thuộc như *Bài ca kêu gọi phụ nữ*. Sau năm 1925, ông viết 6 bài thơ theo thể lục bát, gồm *Tập Kiều*, *Ru em*, *Tiền nô*, *Tiền tỳ*, *Tiêu khiển ngâm*, *Hỏi anh trời ở thuyền gặp mưa gió*. Mặc dù ghi nhận sự có

gắng trong việc dùng thể bốn chữ và lục bát để nói những vấn đề mới của thời đại, song phải thừa nhận rằng Ông già bến Ngự không có đóng góp về những thể loại này.

3.1.2.3. Thể thơ song thất lục bát

Song thất lục bát hay lục bát gián thất là thể thơ kết hợp giữa 2 câu thất ngôn và một cặp lục bát, số lượng câu thơ cũng không hạn định. Trong thời gian ở Huế, Phan Bội Châu viết 7 bài thơ theo thể này. Ngoài ra, ông cũng dịch tác phẩm *Việt Nam quốc sử khảo* ra tiếng Việt theo thể song thất lục bát và đặt tên là *Việt Nam quốc sử bình diễn ca*. Với thể thơ này, ngoài những bài thơ tuyên truyền, răn dạy đạo lý tiếp tục nguồn mạch của thơ ca trước 1925, thì *Đêm trăng hồi bóng* là bài thơ diễn tả tâm trạng khúc mắc, nỗi đau dằn vặt trong tâm hồn nhà thơ.

3.1.2.4. Thể tứ tuyệt

Đây là thể thơ gồm bốn câu ngũ ngôn hoặc ngũ ngôn, lục ngôn hay thất ngôn mà phổ biến nhất là ngũ ngôn và thất ngôn. Phan Bội Châu trong giai đoạn này đã viết tới 27 bài theo thể này. Những bài thơ như *Ngày tháng năm gửi bạn, Can anh, Vô đề, Thuyền đêm trời lụt, tứ tuyệt*... ít nhiều có thành công và thể hiện năng lực của nhà thơ trong việc vận dụng thể tứ tuyệt vào sáng tác thơ ca. Tuy nhiên, dấu ấn sáng tạo của Phan Bội Châu đối với thể thơ này không nhiều.

3.1.2.5. Thể thất ngôn bát cú

Thơ thất ngôn bát cú là loại thơ mỗi bài có 8 câu và mỗi câu 7 chữ, tức là chỉ có 56 chữ trong một bài. Thể thơ Đường luật này có luật thơ chặt chẽ nhất trong các thể thơ, về cách gieo vần, đối, luật, niêm, bố cục. Đây cũng là thể thơ Phan Bội Châu sáng tác nhiều nhất so với các thể thơ trên trong mười lăm năm cuối đời, chiếm trên 500 bài thơ. Điều này cho thấy

quán tính sáng tác thơ văn của nhà Nho. Ông vẫn tìm đến thể thơ quen thuộc với thị hiếu thẩm mỹ của bản thân cho dù lúc đó, phong trào thơ Mới đã bước đầu hình thành và phát triển nhanh chóng sau đó. Không phải Phan Bội Châu không có ý thức đổi mới thể thơ, và viết những bài thơ theo *lối thi từ mới* nhưng những cách tân đó quá ít so với những bài thơ thất ngôn quen thuộc.

3.1.2.6. Hát nói

Với Phan Bội Châu, lần đầu tiên, hát nói được sử dụng để tuyên truyền tư tưởng chính trị, điều chưa xảy ra từ cuối thế kỉ XIX trở về trước. Từ khi về Huế, ông viết hai bài hát nói là *Bài ca chúc tết thanh niên* (1927), *Từ giã bạn bè lần cuối cùng* (1940). Cả hai đều là những tác phẩm hay, đáng ghi nhận, tuy nhiên về nội dung tư tưởng đã khác với hát nói trước 1925 của chính ông.

3.1.2.7. Phú

Phú được đánh giá là một trong những thể loại thành công của Phan Bội Châu. Trước khi xuất dương, những bài phú như *Hồ thượng khoá lưu, Bái thạch vi huynh, Nang trung chùy...* khiến ông được ca ngợi là “người hay chữ nhất nước Nam”. Trong thời gian cuối đời, Phan Bội Châu ít làm phú, chỉ viết sáu bài: *Tỉnh quốc dân, Tâm huyết, Tỉnh tục, Hương Giang thu phiếm, Thiên vấn, Đố ai xe cát nên hòn*. Ông thường những bài dùng thể phú để viết những lời giáo huấn. Riêng *Hương giang thu phiếm* là bài phú hay cần chú ý. Cũng như hát nói, thành tựu về phú trong những năm cuối đời của Phan Bội Châu đã không còn như giai đoạn trước. Không chỉ ít về mặt số lượng mà tính chất những bài hát nói, phú cũng không còn âm hưởng hào

hùng như trước mà thắm đẫm tâm sự chất chứa của người anh hùng thất bại.

3.1.3. Tiểu kết

Qua khảo sát, chúng tôi có bảng thống kê thể thơ trong tổng số 702 bài thơ Phan Bội Châu viết thời kì ở Huế (không tính *Nam quốc dân tu tri*, *Nữ quốc dân tu tri*, *Thuốc hoàn hồn (Gia huấn ca)*, *Thuốc chữa bệnh dân nghèo*, *Việt Nam quốc bình diễn ca*) như sau:

Thể thơ	Bốn chữ	Năm chữ	Lục bát	Song thất lục bát	Tứ tuyệt	Thất ngôn bát cú	Trường thiên thất ngôn	Biến cách theo lối thơ Mới	Hát nói	Hỗn hợp
Số bài	11	2	6	7	27	501	21	3	2	125

Hệ thống thể thơ Ông già Bến Ngự khá phong phú, bao gồm các thể thơ dân tộc cũng như các thể thơ du nhập từ nước ngoài. Mỗi thể thơ, Phan Bội Châu cố gắng nỗ lực nhằm đạt đến những thành tựu đáng ghi nhận. Tuy nhiên, không phải thể thơ nào ông cũng thành công như thể thơ bốn chữ, lục bát, tứ tuyệt. Thể thất ngôn, hát nói, phú trong thời gian này tiếp tục là những thể loại quen thuộc và có những đóng góp nhất định đối với lịch sử văn học. Ở đây, cũng cần nhấn mạnh thêm một điều nữa: sự thay đổi nội dung phản ánh dẫn đến sự thay đổi về hình thức phản ánh.

3.2. Khảo sát thơ ca Phan Bội Châu thời kỳ Ông già Bến Ngự qua phương diện ngôn ngữ

3.2.1. Quan niệm về ngôn ngữ thơ

Nếu như giai điệu, âm thanh là ngôn ngữ của âm nhạc; màu sắc, đường nét là ngôn ngữ của hội họa; mảng khối là ngôn ngữ của kiến trúc thì ngôn ngữ là chất liệu của tác phẩm văn chương. Là nghệ thuật “lấy ngôn ngữ làm cứu cánh” (Jakobson), ngôn ngữ giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong thơ. Với Phan Bội Châu, thơ ca của ông là sự kết hợp nhiều nguồn ngôn ngữ khác nhau: ngôn ngữ dân tộc, ngôn ngữ Hán, ngôn ngữ Pháp.

3.2.2 Ngôn ngữ thơ trong thơ ca Phan Bội Châu mười lăm năm cuối đời

3.2.2.1. Ngôn ngữ dân tộc

Khi ở Huế, Phan Bội Châu sáng tác chủ yếu thơ ca bằng tiếng Việt. Phan Bội Châu cố gắng trứ tác văn chương bằng quốc âm, rất ít làm thơ, viết văn bằng chữ Hán. Trong giai đoạn này, ông viết tới gần 700 bài thơ, 5 bài văn vần bằng tiếng Việt, và chỉ có 10 bài thơ bằng chữ Hán. Khảo sát ngôn ngữ dân tộc trong thơ Ông già Bến Ngự, chúng tôi nhận thấy vai trò đặc biệt của nguồn thi liệu từ văn học dân gian và ngôn ngữ đời sống hàng ngày.

Thi liệu từ văn học dân gian: Số lượng bài thơ có chứa đựng các câu ca dao, tục ngữ có 11 bài, với 38 câu, trong đó có 1 câu ca dao, 29 câu tục ngữ và 8 câu thành ngữ. Có hai cách nhà thơ vận dụng ngôn ngữ văn học dân gian vào tác phẩm của mình. Cách làm đơn giản nhất là đưa nguyên hoặc gần nguyên những câu ca dao, tục ngữ để đạt giá trị biểu cảm cao. Ngoài ra, nhà thơ còn đưa những ý của câu ca dao, tục ngữ vào thơ mình,

tạo nên những ý thơ sắc sảo, sáng tạo. Điểm cần lưu ý là cách vận dụng của Phan Bội Châu hầu hết đều nhằm nêu lên những vấn đề của thời đại. Vận dụng ngôn ngữ văn học dân gian vào thơ Nôm là một thành công và nét nổi bật trong sáng tạo nghệ thuật của Ông già Bến Ngự tạo phong vị dân tộc đậm đà cho thấy khuynh hướng trở về với nguồn cội văn học dân gian.

Ngôn ngữ đời sống hàng ngày: Khảo sát cho thấy, các từ địa phương Nghệ Tĩnh được tác giả vận dụng vào thơ gồm 12 bài với số từ là 18, tiếng Huế có 14 bài thơ với số từ địa phương là 15. Đưa ngôn ngữ đời sống hàng ngày vào thơ ca, một mặt khiến thơ ca gần gũi, bình dị, dễ nghe, dễ hiểu nhưng một khi nhà thơ không làm chủ được công cụ, ngôn ngữ đời sống trong thơ ca sẽ khiến bài thơ mất đi sự trau chuốt, tính biểu cảm, thậm chí dẫn đến sự thô sơ.

3.2.2.2. Ngôn ngữ ngoại nhập

Ngôn ngữ Hán: Phan Bội Châu chỉ sáng tác 10 bài thơ chữ Hán, so với 682 bài thơ tiếng Việt thì đây quả là số lượng ít ỏi. Khi lớp công chúng đọc và hiểu văn chương chữ Hán mai một dần thì thơ ca chữ Hán của Ông già Bến Ngự ngày càng khó nhận được sự đồng cảm của bạn đọc.

Từ Hán Việt: có tỷ lệ sử dụng thấp hơn so với từ Thuần Việt. Từ Hán Việt được sử dụng trong các trường hợp như có nội dung xung tưng, thi vị hóa hiện thực, tư duy mang tính khái niệm triết học. Ý nghĩa nổi bật của từ Hán Việt làm cho thơ Ông già Bến Ngự giữ được tính chất trang trọng, tính cô đọng, hàm súc, giữ được vẻ đẹp cổ thi. Nhìn chung, từ Hán Việt xuất hiện trong thơ Ông già Bến Ngự phần đa được Việt hóa trở thành những nhóm từ quen thuộc trong đời sống của dân tộc.

Diễn cổ, thi liệu Hán: Trong giai đoạn này, Phan Bội Châu ít dùng diễn cổ, thi liệu Hán so với giai đoạn trước. Ông già Bến Ngự thơ sử dụng diễn tích, diễn cổ, thi liệu Hán với hai mức độ: Sử dụng kèm theo nội dung giải thích hoặc dùng diễn cổ, thi liệu Hán đã được Việt hóa làm cho người đọc dễ tiếp nhận. Khảo sát cho thấy có 17 bài thơ với số lượng diễn tích, thi liệu Hán là 20 với nội dung khá phong phú, đa phần đều được giải thích hoặc gần gũi với người đọc nên mang đậm chất thơ, tránh được sự cầu kì, khó hiểu.

Ngôn ngữ Pháp: ngôn ngữ này có mặt trong thơ Ông già Bến Ngự với mật độ khá nhiều, hầu hết đều được phiên âm ra tiếng Việt. Mục đích mà Phan Bội Châu sử dụng ngôn ngữ Pháp là trào lộng, châm biếm những thói rơm dờn trong xã hội thực dân phong kiến đầu thế kỷ XX. Có tất cả 14 bài thơ ông đưa tiếng Pháp và với số lượng là 45 từ. Mặc dù tiếng Pháp được Phan Bội Châu dùng nhiều nhưng xét tới cùng, ông không có một thành tựu thơ ca Pháp ngữ thực sự. Những tiếng Pháp chêm vào trong những câu thơ chỉ mang tính đả kích, tự trào, không phải là ngôn ngữ văn chương thực sự.

3.2.3. Tiểu kết

Có những lúc, ngôn ngữ văn học của Phan Bội Châu rất dân tộc, rất hợp với công chúng. Nhưng thị hiếu thẩm mỹ của công chúng ngày càng cao, đặc biệt là khi công chúng văn học đã mở rộng từ nông thôn sang thành thị, họ đòi hỏi một thứ văn chương trau chuốt, có tính nghệ thuật cao. Không theo kịp và lạc hậu trên phương diện ngôn ngữ văn học cũng là điểm yếu đối với những nhà nho từng là đội quân tiên phong trên lĩnh vực văn chương như Phan Bội Châu.

KẾT LUẬN

Khoảng 700 bài thơ các loại cho thấy khả năng sáng tác rất lớn trong khoảng thời gian mười lăm năm gian khổ và cô đơn nhất của người viết. Con số này nhiều hơn rất nhiều so với thơ ca sáng tác trước năm 1925 và cũng là khá lớn so với nhiều nhà thơ trước đó trong lịch sử văn học dân tộc. Thơ Ông già Bến Ngự là sự hội tụ, cuộc tổng duyệt và thử lại cuối cùng hầu hết các thể loại truyền thống: thất ngôn bát cú, thất ngôn trường thiên, hát nói, lục bát, song thất lục bát... Tính chất trung đại không chỉ thể hiện ở thi pháp thể loại mà còn ở quan niệm nghệ thuật, tư duy nghệ thuật, phong cách ngôn ngữ... Ở phương diện này, có thể xem xét thơ Phan Bội Châu với tất cả chỗ được và chưa được là một thành tựu cuối cùng của thơ Nôm thuộc phạm trù thi pháp trung đại.

Nói thơ Ông già Bến Ngự thuộc phạm trù thơ trung đại là đúng nhưng sẽ là phiến diện nếu không nhận thấy những nỗ lực trong chừng mực nhất định của Phan Bội Châu trong việc vươn lên để ăn nhập với một nền thơ đương thời đang nhanh chóng đi theo con đường hiện đại hóa. Tuy nhiên, cả Phan Bội Châu hay những nhà Nho chí sĩ đương thời không có bất cứ tác giả nào thuộc dòng văn học này coi sáng tạo văn học là mục đích tự thân của cuộc đời. Khi văn chương bị cách ly khỏi phong trào yêu nước thì sáng tác của các nhà nho chí sĩ lại vận động trở về với những khuôn mẫu sáng tạo truyền thống. Phan Bội Châu là trường hợp tiêu biểu cho khuynh hướng này.

Trong việc nghiên cứu thơ ca nói riêng, văn chương nói chung, đặt chúng vào quá trình vận động và phát triển, việc nghiên cứu những cách tân, đổi mới về các mặt là cần thiết và đánh giá thơ văn theo yêu cầu đổi mới, cách tân là điều không

thể chối bỏ. Nhưng tuyệt đối hóa yêu cầu này mà quên đi những phương diện cũng cơ bản khác của thơ ca là tư tưởng, tâm hồn, cảm xúc, tâm huyết với cuộc sống, với con người, với dân tộc cũng là điều thiếu sót. Hiện tượng thơ ca Ông già Bến Ngự nhắc nhở chúng ta điều này.

Qua sáng tác thơ ca của Ông già Bến Ngự, chúng ta có thể nhận ra được những đặc điểm và quy luật vận động văn học. Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam diễn ra mạnh mẽ ở những bộ phận văn học tách rời hoạt động chính trị với những người sáng tác tự nhận lấy việc viết thơ làm văn là một nghề. Phan Bội Châu - đại diện xuất sắc của tầng lớp nhà nho nhưng không tiếp xúc một cách có hệ thống đối với nền văn học châu Âu, không đọc và cảm nhận được những tác phẩm văn học phương Tây, không trực tiếp sống trong môi trường văn học phương Tây... không phải là đại diện cho một nền văn học hiện đại của dân tộc. Vai trò văn học sử của ông là cầu nối hai giai đoạn văn học dân tộc, là đỉnh cao của văn học dân tộc những năm chuyển giao hệ hình văn học, định hướng cho sự vận động hiện đại hóa văn học dân tộc. Có được vị trí văn học không phải ai cũng vinh dự có được đó, Phan Bội Châu tự thân đã là người có vai trò không thể thay thế trong lịch sử văn học dân tộc. Bộ phận thơ ca thời kì Ông già Bến Ngự càng khẳng định vị thế đó của ông. Những nỗ lực cách tân và cả những điểm trở về với truyền thống cho thấy tính chất giao thời trong giai đoạn hiện đại hóa mau lẹ của văn học.